



## HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP NHẬT BẢN TẠI VIỆT NAM (JCCI)

### BÁO CÁO TẠI DIỄN ĐÀN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM THƯỜNG NIÊN 2018

Hiệp hội Doanh nghiệp Nhật Bản tại Việt Nam xin kiến nghị 4 nội dung mà chúng tôi mong muốn chính phủ Việt Nam tập trung đặc biệt nhằm cải thiện môi trường đầu tư và 3 nguyện vọng riêng của doanh nghiệp hội viên.

#### CÁC NỘI DUNG MONG MUỐN ĐƯỢC TẬP TRUNG ĐẶC BIỆT

##### 1. Về vấn đề hợp tác công tư PPP

Chúng tôi biết rằng nợ công của Việt nam đã gần đến mức trần 65% GDP mà Quốc hội cho phép, và trong những năm gần đây chính phủ Việt Nam cũng đang đẩy mạnh chính sách thắt chặt vay nợ, nhưng để thực hiện đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cần thiết một cách đầy đủ thì việc thực hiện tích cực cơ chế hợp tác công tư PPP được cho là một trong những biện pháp hiệu quả.

JCCI đánh giá cao việc ban hành Nghị định 63 vào tháng 5 năm 2018, nhờ đó các quy trình thủ tục đã được đơn giản hóa, chẳng hạn như bãi bỏ việc xin cấp giấy chứng nhận đầu tư IRC đối với các dự án BOT, các quy định cụ thể để triển khai các dự án PPP cũng được quy định rõ ràng hơn.

Chính phủ Việt Nam đã hiểu rõ ý nghĩa của PPP trong việc hoàn thiện cơ sở hạ tầng và luôn lắng nghe nguyện vọng của doanh nghiệp để cùng chia sẻ rủi ro với các doanh nghiệp cũng như thực hiện tốt vai trò của chính phủ để đưa các dự án PPP đi đến thành công. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai các dự án PPP, nghị định 63 và một số văn bản pháp luật liên quan vẫn còn nội dung chưa rõ ràng, còn tồn đọng một số vấn đề. Vì vậy, hôm nay chúng tôi xin phép đề nghị chính phủ cải thiện hơn nữa 4 nội dung sau đây:

- i. Quy định rõ hơn về các trường hợp áp dụng luật nước ngoài  
Điều 467 của Nghị định 63 có quy định các hợp đồng có liên quan của dự án có thể áp dụng luật nước ngoài, nhưng Nghị định 63 lại không quy định rõ là có thể áp dụng luật nước ngoài đối với những hợp đồng mà một trong các bên kí kết là pháp nhân nước ngoài hay không.
- ii. Cho phép sử dụng trọng tài bên ngoài Việt nam đối với toàn bộ các dự án hạ tầng bao gồm cả bất động sản (liên quan đến quy định về giải quyết tranh chấp)  
Điều 67 của Nghị định 63 có quy định có thể sử dụng trọng tài bên ngoài Việt nam,

nhưng đối với các tranh chấp liên quan đến bất động sản thì lại quy định phải giải quyết tại tòa án Việt Nam theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, do vậy những tranh chấp phát sinh tại các dự án PPP liên quan đến xây dựng, kinh doanh thiết bị cơ sở hạ tầng có thể hiểu rộng ra là đều thuộc các dự án bất động sản, do vậy sẽ ảnh hưởng xấu đến việc thu xếp tài chính cho dự án từ các tổ chức tài chính nước ngoài.

iii. Cho phép nhà đầu tư và doanh nghiệp dự án có quyền thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, quyền kinh doanh thiết bị dự án.

Nghị định 63 có quy định về việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, quyền kinh doanh thiết bị dự án, tuy nhiên Luật đất đai, Luật dân sự lại không quy định rõ việc chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam được phép nhận thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, do đó vẫn còn tồn tại vấn đề là nhà đầu tư và doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc huy động vốn.

iv. Chính phủ Việt Nam phải chịu một mức độ rủi ro nhất định trong việc chuyển đổi tỷ giá (liên quan đến thanh toán đáo hạn)

Cho dù có khó khăn về tài chính, chính phủ vẫn phải xác định rõ danh mục các dự án trọng điểm cần sử dụng ngân sách chính phủ, bảo lãnh của chính phủ để triển khai.

Chúng tôi hy vọng rằng những ý kiến nêu trên có thể thúc đẩy các dự án PPP và góp phần thúc đẩy hơn nữa sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam.

## **2. Về vấn đề cải cách Doanh nghiệp nhà nước**

Chính phủ đã tiến hành xây dựng lộ trình cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước và sửa đổi rất nhiều các quy định liên quan nhằm đẩy nhanh quá trình cổ phần hóa và bán vốn nhà nước tại các doanh nghiệp có vốn nhà nước (dưới đây gọi tắt là SOE), tuy nhiên cho đến nay tiến độ thoái vốn vẫn rất chậm chạp, việc đạt mục tiêu vốn dĩ đã được đặt ra như "tăng cường quản trị doanh nghiệp" và "nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh" mà ban đầu hoạt động cải cách doanh nghiệp nhà nước đã hướng tới vẫn còn nửa vời.

Cho đến nay các doanh nghiệp Nhật Bản đã đầu tư cổ phần thiểu số với tư cách là nhà đầu tư chiến lược hoặc thành lập liên doanh tại rất nhiều doanh nghiệp SOE của Việt Nam (bao gồm cả các doanh nghiệp tài chính ngân hàng), và cũng còn rất nhiều doanh nghiệp Nhật hiện đang xem xét việc đầu tư vào các doanh nghiệp SOE. Về phía JCCI, chúng tôi rất mong muốn rằng quá trình cải cách doanh nghiệp SOE của Việt Nam sẽ tiến triển tốt đẹp, thuận lợi thông qua việc đầu tư, góp vốn của các doanh nghiệp Nhật Bản vào SOE. Ngoài ra, để thực hiện tốt cải cách doanh nghiệp nhà nước thì quan trọng hơn hết là phải kêu gọi các nguồn vốn đầu tư “có chất lượng cao” từ nước ngoài bao gồm cả Nhật Bản.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tiến độ thoái vốn còn chậm chạp, nhưng trước hết cần phải xem xét lại các quy định hiện hành về bán vốn cổ phần của nhà nước trong doanh nghiệp SOE tốt và được nhiều nhà đầu tư quan tâm. Cụ thể, chúng tôi xin phép đề xuất 3 nguyện vọng sau đây:

*Nguyện vọng thứ nhất liên quan đến việc xác định mức giá hợp lý khi bán vốn cổ phần của nhà nước.* Chúng tôi hiểu rằng bên bán là chính phủ Việt Nam mong muốn bán cổ phần với giá cao, nhưng nếu các nhà đầu tư nước ngoài xét thấy giá bán (giá đầu giá tối thiểu) do phía Việt Nam đưa ra không phải là mức giá hợp lý thì sẽ rất khó có nhu cầu mua. Hiện nay, liên quan đến phương pháp xác định giá bán cổ phần của các doanh nghiệp SOE theo như quy định của Nghị định 126 và Nghị định 32, có tồn tại hai vấn đề là: 1) phương pháp định giá cổ phần của SOE do các tổ chức định giá thực hiện đang khác biệt khá xa so với tiêu chuẩn định giá cổ phiếu quốc tế, 2) đối với các doanh nghiệp SOE đã niêm yết trên sàn, nhiều trường hợp do thanh khoản trên thị trường kém nên hình thành giá cổ phiếu không hợp lý, nên sẽ rất khó để các nhà đầu tư blue-chip của nước ngoài trong đó có Nhật Bản có thể chấp nhận về giá. Chúng tôi cho rằng cần phải xem lại phương pháp định giá (bao gồm cả việc áp dụng phương pháp định số), tăng mức thanh toán của cổ phiếu niêm yết (xem lại tiêu chuẩn niêm yết lên sàn chứng khoán, ...).

Mặt khác, quy mô của các doanh nghiệp tập đoàn SOE chủ lực là rất lớn, có nhiều trường hợp các nhà đầu tư nước ngoài rất khó có thể hiểu rõ nội dung ngành nghề kinh doanh của các tập đoàn đa tầng này. Do vậy, sẽ hiệu quả hơn nếu tách riêng các công ty con, công ty cháu trong tập đoàn một cách rõ ràng theo nội dung ngành nghề để ưu tiên đầu tư.

*Nguyện vọng thứ hai là thực hiện quy trình bán vốn cổ phần của nhà nước sao cho gần với quy trình M&A theo tiêu chuẩn quốc tế.* Cụ thể là cần phải đảm bảo việc đánh giá đầy đủ thực trạng và các vấn đề của doanh nghiệp bán vốn thông qua quá trình rà soát đặc biệt (dưới đây gọi là DD) liên quan đến luật pháp, tài chính, thuế, và đưa vào hợp đồng (hợp đồng chuyển nhượng vốn cổ phần, hợp đồng cổ đông) các giải pháp đối với các vấn đề đã được làm rõ qua quá trình DD.

Đối với các nhà đầu tư chiến lược có chất lượng tốt là các doanh nghiệp niêm yết của nước ngoài bao gồm cả Nhật Bản, do nghĩa vụ giải trình trước cổ đông, hội đồng quản trị của công ty khi quyết định đầu tư liên quan đến các dự án M&A thì sẽ phải thực hiện việc đánh giá các phân tích rủi ro, rà soát, các đối sách trong quy trình nêu trên một cách thận trọng. Nếu quy trình này không đầy đủ thì khả năng nhà đầu tư đưa ra quyết định tham gia tiếp dự án sẽ là rất thấp. Vì vậy chúng tôi đề nghị chính phủ xem xét điều chỉnh lại quy trình bán vốn.

*Nguyện vọng thứ 3 là tăng cường bảo vệ quyền lợi của cổ đông thiểu số.* Nhiều trường hợp các doanh nghiệp Nhật đầu tư vào các doanh nghiệp SOE mà chính phủ vẫn nắm cổ phần chi phối theo quy định hiện hành, do đó mà đa số vẫn bị hạn chế đầu tư nước ngoài. Nghĩa là, các doanh nghiệp Nhật, đang đa phần là đầu tư chiến lược vào các doanh nghiệp SOE mà chỉ được chấp

nhận đầu tư của cổ đông thiểu số theo luật định (hầu hết là không giữ quyền phủ quyết (nắm trên 35% cổ phần có quyền biểu quyết) theo luật doanh nghiệp).

Với những trường hợp vì hạn chế của các quy định pháp luật mà nhà đầu tư chỉ có thể góp vốn của cổ đông thiểu số như vậy, thì để thu hút các nhà đầu tư tốt thì cần phải tăng cường bảo vệ quyền lợi của cổ đông thiểu số hơn nữa để các nhà đầu tư có thể yên tâm đầu tư một cách dài hạn. Trong trường hợp này, nếu doanh nghiệp mục tiêu là công ty tư nhân, thì thông thường nhà đầu tư sẽ kí hợp đồng giữa các cổ đông với nhau, trong đó sẽ quy định các điều khoản “ng nghiêm cấm nhà đầu tư bán cổ phần cho đối thủ cạnh tranh”, “hạn chế pha loãng cổ phiếu”, “quyền ưu tiên mua, quyền ưu tiên đàm phán khi bán cổ phiếu” để bảo vệ quyền lợi của mình. Gần đây, có nhiều trường hợp ngay cả khi đầu tư vào các doanh nghiệp nhà nước thì các lợi ích này cũng bị giới hạn ở một mức độ nhất định. Mặc dù vậy, vẫn không thể nói rằng chính phủ Việt Nam (đặc biệt là bộ phận cấp cao) đã nhận thức đầy đủ về vấn đề này. Chúng tôi mong rằng Ủy ban quản lý vốn tập trung (CMSC) và Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC: The State Capital Investment Corporation - công ty đầu tư trực thuộc chính phủ đã được thành lập năm 2005 theo quyết định của Thủ tướng) với tư cách là cổ đông lớn tại các doanh nghiệp SOE từ nay về sau sẽ tăng cường các biện pháp để bảo vệ quyền lợi cho các đối tác chiến lược là các nhà đầu tư thiểu số nước ngoài.

Đặc biệt, do việc bán vốn cổ phần của nhà nước bắt buộc phải thực hiện bằng hình thức đấu giá công khai theo quy định hiện hành, khi bán tiếp vốn cổ phần tại doanh nghiệp SOE được thực hiện bằng hình thức đấu giá công khai, nếu doanh nghiệp trúng đấu giá là đối thủ cạnh tranh của nhà đầu tư Nhật Bản đang đầu tư chiến lược tại doanh nghiệp đó thì sẽ gây thiệt hại đến lợi ích của doanh nghiệp Nhật Bản đã đầu tư từ trước. Vì vậy chúng tôi kính mong chính phủ khẩn trương và thận trọng xem xét các giải pháp để không xảy ra tình trạng tương tự như vậy.

Tiếp theo, đối với nhóm doanh nghiệp mà chúng ta cho rằng đó không phải là doanh nghiệp nhà nước tốt thì không nên vội vàng bán cổ phần cho nhiều nhà đầu tư ngay sau khi cổ phần hóa, mà trước tiên cần phải thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao sức hấp dẫn đầu tư của những doanh nghiệp này; tăng cường quản trị doanh nghiệp; cải tiến nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh; tổ chức lại công ty như tái cơ cấu, xử lý nợ quá hạn; và cần có chính sách thúc đẩy hợp tác công tư để khơi dậy mong muốn đầu tư của các nhà đầu tư nước ngoài.

Bên cạnh đó, để thúc đẩy cải cách doanh nghiệp nhà nước và đạt được mục tiêu ban đầu, đóng góp thiết thực vào tài chính quốc gia, thì sự chỉ đạo kiên quyết của lãnh đạo nhà nước và cơ chế thực thi, giám sát của Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp (CMSC: Committee for the Management of State capital) được cho là việc làm quan trọng.

### **3. Về Luật an ninh mạng (Cybersecurity Law)**

Luật an ninh mạng được Quốc hội thông qua và ban hành vào ngày 12 tháng 6 năm nay là nhằm

mục đích bảo vệ an ninh quốc gia và đảm bảo trật tự trên không gian mạng. JCCI hiểu đầy đủ ý nghĩa của việc xây dựng quy định nhằm loại bỏ một cách hợp lý các mối đe dọa đối với an ninh quốc gia thông qua không gian mạng và đảm bảo việc truyền tin và sử dụng thông tin một cách lành mạnh.

Tuy nhiên, không thể phủ nhận rằng, bộ luật này có thể dẫn đến việc các cơ quan chức năng sẽ thu thập, quản lý và kiểm soát thông tin một cách tùy ý. Để giữ trọn vẹn "tính hấp dẫn của Việt Nam - điểm đến của các nhà đầu tư", chúng tôi kính mong chính phủ xem xét lại những nội dung dưới đây (đã được quy định rõ tại Điều 26 của Luật này) khi áp dụng.

- i. Phải lưu trữ dữ liệu thông tin cá nhân của người sử dụng dịch vụ trên máy chủ đặt tại Việt Nam.
- ii. Phải đặt trụ sở hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam.
- iii. Phải xóa bỏ nội dung hoặc cung cấp thông tin của người sử dụng theo yêu cầu của Bộ Thông tin truyền thông và Bộ công an.

Trong số các doanh nghiệp hội viên của JCCI, có nhiều doanh nghiệp bị ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh do những quy định của bộ luật này.

Chúng tôi được biết, hiện đang tiến hành xem xét soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành bộ luật này. Chúng tôi vô cùng hy vọng rằng, phạm vi áp dụng các quy định nêu trên sẽ được quy định rõ ràng và giới hạn trong phạm vi tối thiểu cần thiết, làm giảm thiểu tới đa những ảnh hưởng đối với FDI khi thực thi bộ luật này.

#### **4. Về vấn đề phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ**

Để Việt Nam tiếp tục tăng trưởng kinh tế bền vững mà không rơi vào cái bẫy của các nước đang phát triển mà nhiều quốc gia đã từng mắc phải thì việc phát triển ngành công nghiệp có năng lực cạnh tranh quốc tế là nhiệm vụ cấp bách. Tăng cường kết nối doanh nghiệp Việt Nam với doanh nghiệp nước ngoài thông qua những chính sách phù hợp với các khu vực trọng điểm, đồng thời tạo bước “đột phá trong phát triển công nghiệp” để thúc đẩy phát triển kinh tế Việt Nam là việc làm rất cần thiết.

Chìa khóa để “đột phá trong phát triển công nghiệp” đương nhiên là việc nâng cao năng lực khoa học, kỹ thuật sản xuất, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực Việt Nam và yếu tố nền tảng là xây dựng chuỗi giá trị công nghiệp. Đặc biệt là “phát triển công nghiệp hỗ trợ” để hướng tới tăng cường năng lực cạnh tranh bằng việc nâng cao tỷ lệ nội địa hóa trong khu vực chế tạo của Việt Nam.

Để đạt được mục đích này, việc làm trước mắt đầu tiên là chính phủ Việt Nam và doanh nghiệp Nhật Bản cần mở rộng hơn nữa khuôn khổ hợp tác của “chương trình đào tạo kỹ thuật viên Việt

Nam" và triển khai một cách chắc chắn việc đào tạo đội ngũ kỹ sư thiết kế, kỹ sư máy, nhân viên kỹ thuật bảo dưỡng người Việt Nam. Từ quan điểm này, chúng tôi lấy ví dụ: nới lỏng quy định về điều kiện cấp visa cho người nước ngoài, mời các nhân viên kỹ thuật có tuổi nghề cao đến Việt Nam với tư cách là "người truyền lại kinh nghiệm kỹ thuật của những người thợ lành nghề" để đào tạo, hướng dẫn cho lao động người Việt Nam là biện pháp rất hiệu quả.

Thứ hai là, để đào tạo nguồn nhân lực và nâng cao tính tự chủ trong khoa học, kỹ thuật sản xuất thì cần một khoảng thời gian, bên cạnh đó, trong khi chờ kết quả này, nếu nhìn vào vấn đề bị lôi kéo tham gia cuộc cạnh tranh quốc tế với các nước xung quanh, chúng tôi xin đề xuất đối với các lĩnh vực trọng điểm, tiến hành các chính sách thúc đẩy ngành công nghiệp phụ trợ Nhật Bản vốn được đánh giá là có năng lực kỹ thuật cao trong lĩnh vực đó sẽ bắt tay vào sản xuất tại Việt Nam cũng như nâng cao năng suất, đẩy nhanh đào tạo nguồn nhân lực.

Đặc biệt, những tiềm năng trong tương lai cũng sẽ được nghiên cứu một cách đầy đủ, nhưng ở thời điểm hiện tại, quy mô sản xuất sản phẩm cuối cùng vẫn còn nhỏ. Vì vậy, chúng tôi cho rằng, chính phủ cần đưa ra lời kêu gọi đầu tư với những chính sách ưu đãi về thuế, cơ chế hỗ trợ tài chính để giảm gánh nặng khấu hao khuôn, giá cũng như thúc đẩy việc liên kết với doanh nghiệp Việt Nam và chuyển giao công nghệ... như là những biện pháp có khả năng tìm kiếm lợi ích từ quy mô sản xuất đối với lĩnh vực đang ở trong tình trạng doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ không thể nào đưa được ra quyết định đầu tư.

## **CÁC NGUYỆN VỌNG RIÊNG CỦA DOANH NGHIỆP HỘI VIÊN**

### **1. Về Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường**

Hiện nay, dự thảo nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường đang trong giai đoạn lấy ý kiến. Theo dự thảo này, để ứng phó với nước thải chưa qua xử lý khi xảy ra sự cố trong nhà máy thì nghĩa vụ được yêu cầu đối với doanh nghiệp là phải xây dựng công trình chứa nước thải đảm bảo lưu chứa được nước thải sau xử lý trong ít nhất 72 giờ và công trình này có sử dụng các chỉ thị sinh học để có thể theo dõi chất lượng nước thải sau xử lý.

Tuy nhiên, hiện nay cũng có những doanh nghiệp đã đầu tư kinh phí để áp dụng các biện pháp khác với nội dung của dự thảo nghị định nhưng đủ để đảm bảo không cho nước thải chưa qua xử lý xả ra môi trường. Doanh nghiệp Nhật Bản nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường từ chính những kinh nghiệm khắc phục sự cố đã từng xảy ra tại Nhật Bản trước kia. Từ những bài học kinh nghiệm đó, các doanh nghiệp đã áp dụng những biện pháp bảo vệ môi trường phù hợp để cùng bảo vệ môi trường chung khi đầu tư vào Việt Nam. Chúng tôi ý thức được việc áp dụng thêm các biện pháp bổ xung để bảo vệ môi trường tùy theo mức độ cần thiết. Thế nhưng, quy định không phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp và thiếu cơ sở khách quan sẽ gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc duy trì hoạt động của doanh nghiệp tại Việt Nam. Vì vậy, chúng tôi kính mong chính phủ xem xét lại nghĩa vụ phải xây dựng công trình chứa

nước thải nêu trên trong nội dung dự thảo và hãy quan tâm hơn nữa đến doanh nghiệp thuộc đối tượng phải áp dụng quy định này.

## **2. Về Quỹ phòng, chống thiên tai**

Căn cứ theo Nghị định số 94/2014/ND-CP về Quỹ phòng, chống thiên tai, các khu vực bắt đầu thu nộp Quỹ đang tăng lên, nhưng thủ tục nộp quỹ của các doanh nghiệp có nhiều vấn đề, và nếu Nghị định vẫn giữ như hiện nay thì sẽ rơi vào tình trạng không thể áp dụng được. Hơn nữa, khi thu khoản đóng góp của người lao động, rất khó để thu một cách công bằng, nếu thu một cách ép buộc thì chúng tôi sợ rằng người lao động sẽ thấy bất mãn và có thể xảy ra đình công.

Là Hiệp hội các doanh nghiệp tại Việt Nam, chúng tôi hiểu rõ ý nghĩa của Quỹ. Chúng tôi cho rằng nếu việc sử dụng Quỹ, thủ tục nộp Quỹ, thủ tục nhận tiền hỗ trợ từ Quỹ được rõ ràng thì phía người sử dụng lao động sẽ hiểu rõ hơn về việc nộp “Khoản đóng góp của doanh nghiệp”. Chúng tôi rất mong muốn điều này được làm sáng rõ trong Nghị định.

Mặt khác, đối với phương pháp mà doanh nghiệp thu “Khoản đóng góp của người lao động” của từng cá nhân rồi nộp Quỹ thì không thể thu một cách công bằng được, nên cần phải thay đổi sang phương pháp là Cơ quan hành chính sẽ thu trực tiếp. Cụ thể là thay vì sử dụng phương pháp hiện nay, chúng ta sẽ sử dụng phương pháp đánh thuế cư dân tại nơi cư trú căn cứ theo sổ hộ khẩu, đánh thuế đối với tài sản cố định cá nhân tương tự với khoản đóng góp của doanh nghiệp. Về việc thu nộp Quỹ, chúng tôi mong muốn sửa đổi chế độ, quy định về thuế và Nghị định để thay đổi sang phương pháp công bằng và có tính thực tế.

### **i. Các vấn đề liên quan đến việc thu “Khoản đóng góp của người lao động” để nộp Quỹ**

Người lao động làm việc tại doanh nghiệp đóng góp 1 ngày lương theo mức lương tối thiểu vùng, ở khu vực 1 là khoảng 150.000 đồng/người/năm, nhưng người lao động không làm việc tại doanh nghiệp đóng 15.000 đồng/người/năm. Vì mức đóng chênh lệch nhau 10 lần nên người lao động phản đối mạnh mẽ. Ngoài ra, so với mức đóng của cán bộ, công chức cũng có sự chênh lệch và thiếu tính công bằng.

Có nhiều nhân viên nộp cho doanh nghiệp hóa đơn nộp Quỹ theo cá nhân tại nơi ở và không thuộc đối tượng phải đóng cho doanh nghiệp để thu nộp Quỹ. Ngoài ra, cũng có nhân viên báo rằng họ đã đóng tiền tại công ty mà trước đây họ làm. Công việc thu của từng người, sau khi phân biệt nhân viên đã đóng và nhân viên chưa đóng là rất phức tạp, phía doanh nghiệp không thể xử lý được.

Trong trường hợp đóng tại doanh nghiệp, có nhân viên yêu cầu phát hành hóa đơn nhưng doanh nghiệp thì không thể phát hành hóa đơn công. Ngay cả khi Quỹ phát hành hóa đơn đi chăng nữa thì ở những doanh nghiệp có nhiều nhân viên, việc phát hóa đơn chính xác cho từng người lao động cũng là điều không thể. Đối với những nhân viên nghỉ việc khi đang chờ phát hành hóa đơn

thì việc phát hóa đơn cho họ sẽ rất khó khăn.

Theo quy định của Luật Lao động, khoản đóng góp của người lao động không thể khấu trừ từ tiền lương mà sẽ thu bằng tiền mặt. Việc xử lý tiền mặt với số lượng lớn tại doanh nghiệp sẽ nguy hiểm và phức tạp.

Đối với những nhân viên đã nghỉ việc tại thời điểm doanh nghiệp nhận được thông báo của Quỹ về khoản tiền nộp và những nhân viên nghỉ việc trong khi đang xử lý việc thu tiền, thì việc thu tiền là không thể.

Có những trường hợp mà Quỹ tại một số khu vực yêu cầu đóng cho năm đã qua, nhưng doanh nghiệp không thể thu được từ người đã nghỉ việc.

## **ii. Các vấn đề của “Khoản đóng góp của doanh nghiệp” nộp Quỹ**

Nhiều doanh nghiệp không đồng ý nộp "Khoản đóng góp của doanh nghiệp" vì chi tiết về việc sử dụng Quỹ, kế hoạch sử dụng, tiêu chuẩn đề nghị và phương pháp đề nghị nhận hỗ trợ từ Quỹ khi các doanh nghiệp chịu ảnh hưởng của thiên tai, không được chỉ ra.

Có trường hợp tiêu chuẩn của đối tượng được giảm hoặc tạm hoãn nộp khoản đóng góp của doanh nghiệp và phương pháp đề nghị không được chỉ ra.

Phương pháp lấy giá trị tài sản của chi nhánh làm cơ sở để tính khoản đóng góp của doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp có chi nhánh tại nhiều tỉnh thành là không phù hợp.

## **3. Ý kiến liên quan đến Nghị định về việc cho thuê lại lao động**

Liên quan sửa đổi luật lao động năm 2019, chúng tôi xin đưa ra các đề nghị sửa đổi việc mở rộng các công việc được phép cho thuê lại lao động và gia hạn thời gian cho thuê lại lao động.

Theo điều 23, Nghị định số 55/2013/ND-CP, điều kiện để có thể sử dụng lao động cho thuê lại là trong trường hợp bổ sung cho tình trạng thiếu nhân sự tạm thời hoặc đáp ứng nhu cầu của nguồn nhân lực có chuyên môn cao.

Mặt khác, về nguyên tắc, không được phép sử dụng lao động cho thuê lại trong ngành sản xuất, trừ trường hợp “sản xuất, lắp đặt thiết bị truyền hình, viễn thông”. Trong ngành sản xuất nói chung, phạm vi gia tăng sản xuất ngắn hạn đáp ứng biến động về nhu cầu trên thị trường là rất lớn, phù hợp với điều kiện của công việc cho thuê lại lao động. Trong trường hợp cần gấp số lượng lớn, nếu doanh nghiệp tự mình tuyển dụng nhân viên thì cũng có giới hạn, có nhu cầu rất lớn trong việc sử dụng lao động cho thuê lại. Để đáp ứng nhu cầu gia tăng trong nước và các nơi xuất khẩu, đồng thời để thúc đẩy mở rộng tiêu dùng và xuất khẩu, chúng tôi mong muốn áp dụng việc cho thuê lại lao động trong ngành sản xuất nói chung.



Ngoài ra, thời gian cho thuê lại lao động không được quá 12 tháng. Tuy nhiên, có những trường hợp cần khoảng 24 tháng khi sử dụng lao động cho thuê lại trong những công việc có chuyên môn như làm việc cho dự án. Chúng tôi kính mong quý vị cân nhắc việc phân chia mức giới hạn tối đa của thời gian cho thuê lại lao động trong trường hợp bổ sung cho tình trạng thiếu nhân sự tạm thời và trường hợp cho thuê lại nhân lực có chuyên môn cao.